

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 173/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 19 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao
thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số
01/TTr-SVHTTDL ngày 04/01/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn
hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND
cấp huyện, UBND cấp xã.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: 173/QĐ-UBND ngày 19/01/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA					
	Di sản văn hóa					
1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý.
2	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn	Trung tâm phục vụ hành	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và	- Luật Di sản văn hóa.

	định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương		chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		Du lịch	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012.
3	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
5	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ	03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Di sản văn hóa. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012. - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ.;
6	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày

						04/01/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ
7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Chính phủ	- Luật Di sản văn hóa. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

		và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng				
--	--	--	--	--	--	--

		Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.				
8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Chính phủ	- Luật Di sản văn hóa. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

		Du lịch. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.				
--	--	---	--	--	--	--

9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày

14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	- 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.
Điện ảnh						
15	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Thẩm định và phân loại phim: 1. Phim thương mại: a. Phim truyện: a.1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 a.2.Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập a.3.Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b.Phim ngắn: b.1.Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 b.2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện 2. Phim phi thương mại: a. Phim truyện: a.1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009. - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh. - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.

				a.2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b. Phim ngắn: b.1. Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 b.2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện * Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.		
16	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Thẩm định và phân loại phim: 1. Phim thương mại: A Phim truyện: a.1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 a.2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. b. Phim ngắn: b.1. Độ dài đến 60	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Điện ảnh; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ. - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

				phút: 2.200.000. b.2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện. 2. Phim phi thương mại: a. Phim truyện: a.1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 a.2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. b. Phim ngắn: b.1. Độ dài đến 60 phút: 1.600.000. b.2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện. * Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.		
	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và Triển lãm					
17	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công,	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL

	mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	hợp lệ	XTĐT và HTDN tỉnh			ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
18	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ
19	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ.
20	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	- 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ VHTTDL, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
21	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ;
22	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

	quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		HTDN tỉnh			
23	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
24	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.

		lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.				
25	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại.	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.

		sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ,				
--	--	--	--	--	--	--

		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.				
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại.	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.

		giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.				
27	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.

		và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.				
--	--	--	--	--	--	--

28	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ
Nghệ thuật Biểu diễn						
29	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:		- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài

	hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)		doanh nghiệp tỉnh	- Đến 50 phút: 1.500.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 201 phút trở lên: 5.000.000 (đồng/chương trình, vở diễn) Trường hợp miễn phí: Miễn phí thăm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia. Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thăm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.
30	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và		Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

	toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	hợp lệ	HTDN tỉnh	Không		
31	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
32	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.
Văn hóa cơ sở						
33	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
34	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
35	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ

				15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.		thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
36	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng /giấy.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP - Thông tư số 01/2021/TT-BTC.
37	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 Bộ VHTTDL.
38	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Điều 29, Điều 30 của Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

39	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012.
40	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép.	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL - Thông tư số 165/2016/TT-BTC.
41	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép.	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC; - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL.
42	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép.	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC.
Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa						
43	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc. Trường hợp phải giám định văn hóa phẩm	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm

		nhập khẩu tối đa không quá 12 (mười hai) ngày làm việc.				không nhằm mục đích kinh doanh. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.
44	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL;
45	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/ lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/ lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ

		khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.		2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/ lần thẩm định; - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/ lần thẩm định.		sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
46	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Phí thẩm định và phân loại phim: 1. Phim thương mại: A. Phim truyện: a.1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000đ a.2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b. Phim ngắn: b.1. Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ b.2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện 2. Phim phi thương mại: a. Phim truyện: 2.400.000 đ a.1 Độ dài đến 100	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL.

				phút (1 tập phim) a.2 Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b Phim ngắn: b.1 Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 đ b.2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện *Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.		
47	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	* Phí, lệ phí: Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau: 1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL;

		thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.		múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/ chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/ chương trình. - Đối với bản ghi		
--	--	---	--	---	--	--

				hình: + Ghi dưới hoặc băng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/ chương trình. 2.Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.		
	Thư viện					
48	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.
49	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất,	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông	Trung tâm phục vụ hành	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	

	chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	báo hợp lệ.	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh			
50	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
	Gia đình					
51	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực

						gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.
52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL;
53	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL;
54	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-

	của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)					BVHTTDL;
55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL;
56	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL;
57	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;
58	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

	đình	có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.	HTDN tỉnh			
59	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL;
60	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
61	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
62	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ					
63	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt

	dụng được sử dụng làm đạo cụ					động văn hóa, nghệ thuật. - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ.
II LĨNH VỰC THỂ THAO						
64	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
65	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

66	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	*Trường hợp do thay đổi các nội dung: Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; điều chỉnh giảm danh mục hoạt động thể thao kinh doanh: 200.000 đồng/giấy chứng nhận *Trường hợp do bổ sung danh mục hoạt động thể thao kinh doanh: - Bổ sung tăng kinh doanh 01 môn thể thao: 400.000đồng/giấy chứng nhận - Bổ sung tăng kinh doanh 02 môn thể thao: 800.000đồng/giấy chứng nhận - Bổ sung tăng kinh doanh 03 môn thể thao trở lên: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
67	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	100.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.

68	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
69	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
70	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL.
71	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
72	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL;

						- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
73	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
74	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng /giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
75	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
76	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Bơi, lặn	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-

						BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
77	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Billiards & Snooker	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
78	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Bóng bàn	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
79	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Dù lượn và điều bay	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
80	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa,	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP;

					Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
81	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
82	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
83	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể hình và Fitnes	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
84	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL;

						- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
85	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
86	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
87	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn võ cổ truyền, Vovinan	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
88	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;

89	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
90	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
91	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
92	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
93	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao;

	kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		Du lịch	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
94	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND;
95	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
96	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
97	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

	động thể thao đối với môn Bóng rổ	hợp lệ	XTĐT và HTDN tỉnh			- Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
98	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn đấu kiếm thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND.
III	LĨNH VỰC DU LỊCH					
	Lữ hành					
99	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
100	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL;

101	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 Bộ VHTTDL.
102	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	2.000.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
103	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. - Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL;

104	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; - Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL;
105	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
106	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày

	nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	hợp lệ	HTDN tỉnh			05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
107	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	200.000đ/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL.
108	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cấp nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cấp nhật kiến thức.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL.
109	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 7 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

		thành viên.				
110	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017.
111	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ;
112	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

		không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.				
113	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
114	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.

115	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 Bộ trưởng Bộ VHTTDL.
116	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
117	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
118	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.
	Dịch vụ du lịch khác					

119	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
120	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
121	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
122	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL.
123	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
124	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- 1.500.000 đồng/ hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao. - 2.000.000 đồng/ hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
125	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
126	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không quy định	
127	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại biển hiệu, Sở Giao thông vận tải xem xét, cấp lại biển hiệu cho phương tiện vận tải	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không quy định	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	VĂN HÓA CƠ SỞ				
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại khu vực khác + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không	

				quá 6.000.000 đồng /giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	
3	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ VHTTDL. - Hướng dẫn số 3337/HD-BVHTTDL-TLĐ ngày 10/8/2015 của Bộ VHTTDL và Tổng LĐLĐ Việt Nam.
4	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ VHTTDL.
5	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	
6	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ VHTTDL.
7	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	
8	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.

9	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	
	Thư viện				
12	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.
13	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.

	lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng				
14	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	
Gia đình					
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.
16	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.
17	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của

	gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)				Bộ trưởng Bộ VHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.
18	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	
19	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.
20	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 Bộ VHTTDL.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Văn hóa cơ sở					
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ
2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.
Thư viện					
4	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, TT&DL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.
5	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.

6	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	
	Thẻ dực thể thao				
7	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND cấp xã	Không	- Luật Thẻ dực, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.